

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

HỒ THỊ KHUYÊN

**THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật kinh tế
Mã số: 60 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. HOÀNG THỊ QUỲNH CHI

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN	7
1.1. Tổng quan chung về hợp đồng tín dụng ngân hàng và tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng	7
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng ngân hàng	7
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của tranh chấp hợp đồng tín dụng	12
1.1.3. Các dạng tranh chấp hợp đồng tín dụng	13
1.1.4. Các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng	16
1.2. Khái quát pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án	23
1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án.....	23
1.2.2. Nội dung điều chỉnh của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng	23
1.2.3. Vai trò của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân	36
Kết luận Chương 1	38
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	39
2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án	39
2.1.1. Ưu điểm của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân	39

2.1.2.	Vướng mắc, bất cập của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.....	40
2.2.	Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.....	41
2.2.1.	Tình hình tranh chấp hợp đồng tín dụng và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp hợp đồng tín dụng.....	41
2.2.2.	Thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng	48
2.2.3.	Kết quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội	50
2.2.4.	Đánh giá, nhận xét về thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội	73
	Kết luận Chương 2	82
	Chương 3: GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	83
3.1.	Yêu cầu đối với việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án.....	83
3.1.1.	Yêu cầu cải cách tư pháp	83
3.1.2.	Đảm bảo sự đồng bộ với các quan điểm giải pháp của các luật liên quan	85
3.2.	Giải pháp, kiến nghị.....	89
3.2.1.	Hoàn thiện khung khổ pháp luật	89
3.2.2.	Nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án.....	105
	KẾT LUẬN	108
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	110

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tranh chấp hợp đồng tín dụng là một trong các dạng tranh chấp phổ biến hiện nay được giải quyết tại Tòa án nhân dân các cấp. Nhất là kể từ ngày 01/01/2012 thẩm quyền các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng được giao cho Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là TAND cấp huyện) giải quyết. Trong thực tiễn, hợp đồng tín dụng ngân hàng có nhiều vấn đề phức tạp và chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro. Trong những năm gần đây, số lượng vụ án kinh doanh, thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng được đưa ra giải quyết tại tòa án gia tăng và có chiều hướng ngày càng phức tạp, tòa án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết các vụ án thuộc loại này.

Tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội trong thời gian qua, các tranh chấp về hợp đồng tín dụng ngân hàng diễn ra với số lượng vụ việc nhiều, tính chất ngày càng phức tạp. Thực tế này cần phải có một giải pháp căn cơ, lâu dài và triệt để nhằm hạn chế các tranh chấp hợp đồng tín dụng, thúc đẩy quá trình giải quyết tranh chấp kịp thời, giúp bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp cho các bên. Làm được điều này sẽ có ý nghĩa to lớn cho hoạt động tín dụng ngân hàng ngày càng phát triển đúng hướng, lành mạnh, an toàn, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho các chủ thể tham gia. Trước tình hình đó, cần phải hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho quá trình giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực này, góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2. Tình hình nghiên cứu

Pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng là đề tài nghiên cứu của nhiều nhà khoa học, nghiên cứu ở những góc độ khác nhau. Các công trình nghiên cứu đã góp phần tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng nói chung và hợp đồng tín dụng nói riêng như: “Một số vấn đề pháp lý về hợp đồng tín dụng và thời hiệu khởi kiện vụ án kinh tế hợp đồng tín dụng”. Th.s - Nguyễn Quỳnh Chi. “Pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường Tòa án ở Việt Nam” của Th.s Trần Thị Thùy Trang. “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật hợp đồng ở Việt Nam hiện nay” PGS.TS Nguyễn Như Phát, TS. Lê Thị Thu Thủy;

“Tranh chấp hợp đồng và các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng” của TS. Phan Chí Hiếu; Sách chuyên khảo “Do TS. Lê Thị Thu Thủy làm chủ biên, Nhà xuất bản tư pháp 2006. Cuốn sách “hoàn thiện pháp luật về hoạt động của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam” của TS. Ngô Quốc Kỳ. Nhà xuất bản tư pháp năm 2005. Tuy nhiên, việc nghiên cứu đề tài pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD luôn có tính thời sự, bởi lẽ các qui định pháp luật về vấn đề này vẫn còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn.

Trên cơ sở tiếp thu những vấn đề lý luận của các đề tài đã nghiên cứu, luận văn chỉ ra những bất cập của việc thực hiện các qui định pháp luật trong thực tiễn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Qua thực tiễn hoạt động xét xử tại TAND thành phố Hà Nội luận văn nghiên cứu nhằm phân tích, đánh giá những vướng mắc của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực tiễn áp dụng pháp luật, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng và nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng.

4. Phạm vi nghiên cứu

Về lĩnh vực hoạt động tín dụng: Hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng để phục vụ nhu cầu kinh doanh thương mại.

Về không gian: Nghiên cứu hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa kinh tế TAND thành phố Hà Nội.

Về thời gian: số liệu khảo sát thực tiễn từ năm 2013 đến tháng 6/2016.

5. Tính mới và những đóng góp của đề tài

Luận văn làm sáng tỏ một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Đồng thời luận văn cũng phân tích các nguyên nhân tranh chấp hợp đồng tín dụng của các ngân hàng hiện nay và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nói chung và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nói riêng.

Kết quả của luận văn góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân.

Luận văn có thể được sử dụng phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, luận văn có thể được coi là một tài liệu bổ ích đối với những Thẩm phán, cán bộ Tòa án nói riêng và ngành tư pháp nói chung đang trực tiếp xét xử và giải quyết các tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng đóng một vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động tư pháp nói chung và quá trình giải quyết vụ án nói riêng của Tòa án. Trong giai đoạn hiện nay, với mâu thuẫn giữa các bên đối tác diễn ngày càng nhiều trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng. Việc hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động xét xử sẽ góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ lợi ích của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự xã hội và góp phần nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân.

6. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận là những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước. Những chủ trương đó được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đại hội Đảng. Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; Đồng thời, còn sử dụng phối hợp nhiều phương pháp cụ thể như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp so sánh, thống kê, phương pháp mô hình hóa, hệ thống hóa, khảo sát thực tế hoạt động xét xử tại Tòa án.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về hợp đồng tín dụng ngân hàng và pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Chương 3. Giải pháp, kiến nghị về hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

1.1. Tổng quan chung về hợp đồng tín dụng ngân hàng và tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng tín dụng ngân hàng

** Khái niệm về hợp đồng tín dụng*

Hợp đồng tín dụng (HĐTD) là một dạng cụ thể của hợp đồng vay tài sản đã được quy định trong BLDS 2005. Hợp đồng ghi nhận thỏa thuận của hai hay nhiều bên làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên. Tuy nhiên, chỉ gọi là Hợp đồng tín dụng ngân hàng trong trường hợp bên cho vay là các tổ chức tín dụng, trong đó chủ yếu là các ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng về bản chất là hợp đồng cho vay, theo đó ngân hàng là bên cho vay giao cho bên vay một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

** Đặc điểm của hợp đồng tín dụng*

- Thứ nhất: Một bên chủ thể của HĐTD luôn là tổ chức tín dụng
- Thứ hai: Hợp đồng tín dụng ngân hàng phải được ký kết dưới hình thức văn bản
- Thứ ba: Đối tượng của hợp đồng tín dụng là tiền
- Thứ tư: HĐTD phải được tuân thủ chặt chẽ về các nội dung bắt buộc, năng lực chủ thể của các bên tham gia quan hệ tín dụng, mục đích sử dụng vốn vay, giới hạn vốn vay, lãi suất vay và bảo đảm thực hiện hợp đồng
- Thứ năm: Hợp đồng tín dụng ngân hàng luôn nhằm mục đích sinh lợi

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của tranh chấp hợp đồng tín dụng

** Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng là những mâu thuẫn phát sinh từ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng giữa bên cho vay (TCTD) và bên vay (khách hàng). Đó là những tranh chấp về lãi suất, nợ gốc, nợ lãi, việc giải ngân, xử lý tài sản bảo đảm,...

** Đặc điểm tranh chấp hợp đồng tín dụng*

- Thứ nhất, tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp về hợp đồng

dân sự khi bên vay vốn là hộ gia đình, cá nhân hay tổ chức không có đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận.

- Thứ hai, tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp kinh doanh, thương mại khi bên vay vốn là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận.

1.1.3. Các dạng tranh chấp hợp đồng tín dụng

- Tranh chấp về hành vi vi phạm nghĩa vụ của một hoặc các bên trong hợp đồng.

+ Hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên cho vay (ngân hàng).

+ Hành vi vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi của bên vay.

- Tranh chấp về việc thực hiện biện pháp bảo đảm đối với HĐTD có bảo đảm bằng tài sản

- Tranh chấp về chủ thể xác lập, thực hiện hợp đồng.

- Tranh chấp về định giá, xử lý tài sản bảo đảm đối với những hợp đồng tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.

- Tranh chấp về pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD.

1.1.4. Các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng

Để bảo đảm quyền lợi của các chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng nên việc giải quyết tranh chấp này đòi hỏi phải đạt được các yêu cầu sau:

Thứ nhất, tranh chấp phải được giải quyết một cách kịp thời, phải đảm bảo nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro và có thể tận dụng được những cơ hội kinh doanh mới cho các chủ thể tham gia tranh chấp.

Thứ hai, trong quá trình giải quyết tranh chấp phải bảo đảm giữ được bí mật của hoạt động kinh doanh cũng như uy tín của các bên trong quan hệ tranh chấp. Bởi vì, các bên còn nhiều đối tác quan hệ kinh doanh khác.

Thứ ba, quá trình giải quyết phải đảm bảo tính dân chủ và quyền tự định đoạt của các bên với chi phí giải quyết thấp.

Pháp luật hiện hành quy định các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng cụ thể như: thương lượng, hòa giải, trọng tài và tòa án.

a) Thương lượng

Phương thức thương lượng là phương thức được các bên tranh chấp lựa chọn trước tiên và trong thực tiễn phần lớn các tranh chấp phát sinh từ

hợp đồng tín dụng được giải quyết bằng phương thức này. Thông qua phương thức này, các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, tự tháo gỡ những bất đồng phát sinh để loại bỏ tranh chấp mà không cần có sự trợ giúp hay phán quyết của bất kỳ bên thứ ba nào. Phương pháp thương lượng là phương thức được các bên tiến hành đầu tiên bởi các ưu điểm của nó như: thuận tiện, đơn giản, nhanh chóng, linh hoạt, ít tốn kém về thời gian, về tiền bạc, không ràng buộc bởi các thủ tục pháp lý phức tạp, đảm bảo bí mật, uy tín của các bên. Nếu thương lượng thành công thì ít gây phương hại đến quan hệ hợp tác vốn có của các bên thậm chí còn được tăng cường về sự hiểu biết và hợp tác lẫn nhau khi kết thúc cuộc thương lượng. Tuy vậy, bên cạnh các ưu điểm trên, thương lượng cũng có những nhược điểm như: thương lượng thành công phụ thuộc vào các bên có thiện chí muốn tìm giải pháp đối với tranh chấp. Nếu bên vay muốn dùng hình thức thương lượng để kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ thì thương lượng chỉ làm tốn kém và kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp hơn. Sự thực thi kết quả thương lượng phụ thuộc vào ý chí tự nguyện thi hành của các bên tham gia. Cũng chính vì, phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng không bị ràng buộc bởi bất kỳ các cơ chế pháp lý nào nên kết quả thương lượng cũng không được bảo đảm bởi bất kỳ cơ chế pháp lý nào dẫn đến tính bắt buộc thực hiện không cao. Mặt khác, hình thức giải quyết khép kín, không công khai có khi lại nảy sinh những tiêu cực, trái pháp luật.

b) Hoà giải

Hoà giải là các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, thỏa thuận để giải quyết các vấn đề tranh chấp nhưng khác là hoà giải có sự hỗ trợ của bên thứ ba là hoà giải viên. Hoà giải có ưu điểm như: thủ tục, thời gian, địa điểm hoà giải có thể được thỏa thuận và điều chỉnh do các bên tham gia giải quyết tranh chấp, các bên có quyền tự định đoạt, lựa chọn bất kỳ người nào làm trung gian hoà giải. Hoà giải mang tính thân mật nhằm tiếp tục giữ gìn và phát triển các mối quan hệ kinh doanh vì lợi ích của cả hai bên. Trong hoà giải, các bên tranh chấp có thể nói chuyện, trao đổi, đàm phán và thảo luận về các giải pháp trong toàn bộ quá trình. Quá trình hoà giải tạo cơ hội cho mỗi bên bày tỏ quan điểm của mình về tranh chấp, không dẫn đến tình trạng đối đầu, thắng thua như quá trình kiện tụng tại tòa án, duy trì được mối quan hệ vốn có của các bên. Do hoà giải xuất phát từ sự tự nguyện tham gia và tự do thỏa thuận của các bên, nên nội dung thỏa thuận luôn hướng tới lợi ích của tất cả các bên. Mặt khác, là khi giải

quyết bằng con đường này các bên kiểm soát được những bí mật của mình bởi phiên họp hòa giải được tổ chức kín, trong khi giải quyết tại Tòa án thì các yêu cầu này không được đảm bảo do tòa án thực hiện xét xử theo nguyên tắc công khai. Bên cạnh những ưu điểm trên, giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng phương pháp hòa giải vẫn còn tồn tại những nhược điểm nhất định: việc hòa giải có được tiến hành hay không phụ thuộc vào sự nhất trí của các bên, hòa giải viên không có quyền đưa ra một quyết định ràng buộc hay áp đặt bất cứ vấn đề gì đối với các bên tranh chấp thỏa thuận hòa giải, không có tính bắt buộc thi hành như phán quyết của Trọng tài thương mại hay của Tòa án. Các thỏa thuận, cam kết từ kết quả của quá trình hòa giải không có giá trị bắt buộc cưỡng chế thi hành mà phụ thuộc vào thiện chí, sự tự nguyện của các bên. Vì vậy, phương pháp này ít được sử dụng nếu các bên không có sự tin tưởng với nhau.

c) Trọng tài thương mại

Thực tiễn hoạt động giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng trọng tài thương mại cho thấy có một số ưu điểm sau:

Thứ nhất, phương pháp trọng tài thương mại trong giải quyết tranh chấp có nguyên tắc xử kín nếu các bên không có thỏa thuận khác.

Thứ hai, quyết định của Trọng tài thương mại là chung thẩm và vì vậy nó có giá trị bắt buộc đối với các bên, các bên không có quyền chống án hay kháng cáo.

Thứ ba, giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại thể hiện tính năng động, linh hoạt và mềm dẻo, tạo quyền chủ động cho các bên về địa điểm, thời gian giải quyết tranh chấp, tiết kiệm được thời gian có thể rút ngắn thủ tục tố tụng trọng tài.

Thứ tư, giải quyết trọng tài không bị giới hạn về mặt lãnh thổ do các bên có quyền lựa chọn bất kỳ trung tâm trọng tài nào để giải quyết tranh chấp cho mình.

Tuy nhiên, bên cạnh đó phương pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có những nhược điểm đáng kể như là: Quyết định trọng tài thương mại không có tính cưỡng chế cao như quyết định của tòa án; việc thi hành quyết định trọng tài thương mại không phải lúc nào cũng trôi chảy, thuận lợi như việc thi hành bản án mà phụ thuộc chủ yếu vào thiện chí và sự hợp tác giải quyết của các bên. Giải quyết bằng phương thức trọng tài đòi hỏi chi phí tương đối cao, vụ việc giải quyết càng kéo dài thì phí trọng tài càng cao.

d) Giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án

Phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án là hình thức cuối cùng mà các bên lựa chọn để giải quyết tranh chấp khi không còn lựa chọn nào khác. Việc đưa tranh chấp ra xét xử tại tòa án có nhiều ưu điểm nhưng cũng có những nhược điểm nhất định. Ưu điểm của hình thức giải quyết tranh chấp thông qua tòa án là: đặc trưng cơ bản của thủ tục giải quyết tranh chấp bằng tòa án là thông qua hoạt động của bộ máy tư pháp và nhân danh quyền lực Nhà nước để đưa ra phán quyết buộc các bên có nghĩa vụ thi hành. Vì vậy, quyết định của tòa án có tính cưỡng chế cao, quyền lợi của người thắng kiện sẽ được đảm bảo nếu như bên thua kiện có tài sản để thi hành án. So với phương thức trọng tài thương mại, việc giải quyết tranh chấp bằng tòa án được thực hiện theo nguyên tắc chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm (hai cấp xét xử), nhờ vậy mà những sai sót trong quá trình giải quyết tranh chấp có khả năng được phát hiện, khắc phục đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên tham gia. Chi phí giải quyết tranh chấp bằng tòa án ít hơn nhiều so với chi phí giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Tuy vậy, việc lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng bằng con đường tòa án cũng có những nhược điểm nhất định so với các hình thức khác như: thủ tục giải quyết tranh chấp thông qua tòa án thường dài hơn so với giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Hơn nữa, nguyên tắc xét xử công khai tại tòa án có thể làm sụt giảm uy tín của các bên trên thương trường; lộ lọt các bí mật kinh doanh cản trở hoạt động đối với các chủ thể bên vay là doanh nghiệp. Ngoài ra, bản án xét xử xong chưa được thi hành ngay mà các bên có quyền kháng cáo, khiếu nại nên thời gian kéo dài ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của các bên tranh chấp.

1.2. Khái quát pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

1.2.1. Khái niệm pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Pháp luật về giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng tại Tòa án nhân dân.

1.2.2. Nội dung điều chỉnh của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

** Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp phát sinh từ HĐTD bằng con đường tòa án*

Thứ nhất, nguyên tắc tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự.

Thứ hai, nguyên tắc các đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh.

Thứ ba, nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự.

Thứ tư, nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự.

Thứ năm, nguyên tắc hoà giải.

Thứ sáu, nguyên tắc xét xử vụ án dân sự phải có Hội thẩm nhân dân tham gia.

Thứ bảy, nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai.

Thứ tám, nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử.

** Thẩm quyền của Tòa án trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng*

- Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Tòa án nhân dân cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngân hàng mà không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải uỷ thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, tức là tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngân hàng không có yếu tố nước ngoài.

- Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Toà án nhân dân cấp tỉnh) có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngân hàng mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần uỷ thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Toà án nước ngoài, tức là tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngân hàng có yếu tố nước ngoài.

** Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án*

- Giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án

- Giai đoạn hoà giải và chuẩn bị xét xử

- Giai đoạn xét xử sơ thẩm

- Giai đoạn xét xử phúc thẩm

1.2.3. Vai trò của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân

Pháp luật là phương diện để nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội. Pháp luật còn là phương tiện thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mỗi công dân. Việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngân hàng của Tòa án đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giữ gìn an toàn xã hội và đặc biệt

là góp phần đưa đất nước phát triển đi lên như mục tiêu của Đảng và Nhà nước ta đề ra. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm cũng là nơi Tòa án thực hiện việc giáo dục pháp luật. Thông qua hoạt động xét xử của Tòa án, những người tham dự phiên tòa biết rõ hơn các quy định của pháp luật được Tòa án áp dụng giải quyết vụ án từ đó nâng cao được ý thức pháp luật của họ.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

2.1.1. Ưu điểm của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân

Một là, Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành đã quy định chi tiết về thời hạn Tòa án giải quyết vụ án.

Hai là, việc giải quyết tranh chấp HĐTD đã được thống nhất theo một thủ tục tố tụng chung- thủ tục tố tụng dân sự.

Ba là, TAND các cấp đã không ngừng nâng cao chất lượng xét xử, làm rõ những yêu cầu của đương sự trong vụ án, tăng cường phối hợp với các cơ quan hữu quan như Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án,... để giải quyết vụ án.

Bốn là, công tác giải quyết tranh chấp về cơ bản được thực hiện đúng các quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp.

Năm là, tình trạng sai phạm của các cán bộ ngành Tòa án đã bước đầu được xử lý và tiến hành bồi thường cho các đối tượng bị xử oan sai, đảm bảo thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.1.2. Vướng mắc, bất cập của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân

Luật và các văn bản đã có nhưng việc triển khai vào hoạt động ngân hàng thì lại hết sức chậm chạp và còn gặp phải nhiều vướng mắc bất cập. Các quy định của pháp luật còn chưa thống nhất, chông chéo lẫn nhau đặc

biệt là các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm. Thực tế cho thấy, hành lang pháp lý cho hoạt động giao dịch bảo đảm chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ và nhiều quy định không thể thực hiện được trên thực tế. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm thực hiện phân tán ở nhiều cơ quan khác nhau tạo kẽ hở trong quản lý.

2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

2.2.1. Tình hình tranh chấp hợp đồng tín dụng và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp hợp đồng tín dụng

** Tình hình tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án thành phố Hà Nội*

Theo thống kê, hiện nay số lượng tranh chấp giữa tổ chức tín dụng và khách hàng vay vốn còn khá cao so với các loại tranh chấp hợp đồng khác được giải quyết tại Tòa án.

Dựa vào số liệu tòa kinh tế công bố thì án tranh chấp HĐTD có chiều hướng gia tăng rõ rệt. Dựa vào số liệu tòa kinh tế công bố thì án tranh chấp HĐTD có chiều hướng gia tăng rõ rệt. Trong các năm từ 2013-Tháng 6/2016 tổng số thụ lý tranh chấp HĐTD trên tổng số án kinh doanh, thương mại là 420/862 chiếm 48,7%, tổng số giải quyết án tranh chấp HĐTD trên tổng số tranh chấp kinh doanh thương mại là 308/736 chiếm 41,8%. Trong số các tranh chấp kinh doanh thương mại thì tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các vụ án đã thụ lý và giải quyết. Sự gia tăng này một mặt phản ánh đúng thực trạng tranh chấp hiện nay. Một số năm trở lại đây tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Điều này đã tác động bất lợi đến kinh tế cả nước nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng. Các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi các biến động về kinh tế, chính trị trong thời gian này. Doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hà Nội gặp một số khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh như thiếu vốn, giá nguyên vật liệu tăng cao, khả năng thu hồi vốn chậm từ các dự án, công trình....dẫn đến doanh nghiệp vay vốn ngân hàng, các tổ chức khác. Trong thời gian từ 2008 - 2013 lãi suất cho vay liên tục ở mức cao, thời gian vay vốn ngắn cũng khiến các doanh nghiệp khó quay vòng vốn để trả nợ đúng hạn dẫn đến vi phạm hợp đồng tín dụng.

** Nguyên nhân tranh chấp hợp đồng tín dụng*

- Nguyên nhân từ phía ngân hàng cho vay.
- Nguyên nhân từ phía bên vay.

- Nguyên nhân từ thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước về bình ổn kinh tế.

- Nguyên nhân từ việc thay đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng vay tiền tại các TCTD không đúng quy định pháp luật.

2.2.2. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ việc quy định tại Điều 37 BLTTDS 2015. Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền: Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp, yêu cầu kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền của TAND cấp tỉnh quy định tại Điều 37 của BLTTDS 2015; Giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định kinh doanh, thương mại chưa có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của BLTTDS

2.2.3. Kết quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Một số vụ án điển hình, phổ biến về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng được giải quyết tại Tòa kinh tế TAND thành phố Hà Nội.

2.2.4. Đánh giá, nhận xét về thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

** Ưu điểm:*

- Kể từ ngày 01/01/2012 thẩm quyền giải quyết các vụ án Kinh doanh thương mại tranh chấp về HĐTD được giao cho TAND cấp huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 BLTTDS sửa đổi năm 2011 thì TAND thành phố Hà Nội đã thực hiện đúng thẩm quyền. Với những vụ án đã thụ lý trước đó, TAND thành phố Hà Nội đã chuyển thẩm quyền về cho TAND cấp quận huyện giải quyết theo quy định.

- Nhìn chung, các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng ở TAND thành phố Hà Nội là tranh chấp giữa ngân hàng và cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đi vay. Hợp đồng tín dụng đảm bảo tính pháp lý, nội dung chặt chẽ nên thuận lợi cho việc giải quyết vụ án phù hợp với trình độ chuyên môn của Thẩm phán, dễ dàng đưa ra đường lối giải quyết và ra bản án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cơ sở để giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng hiện nay cũng khá thuận lợi với hệ thống pháp luật có liên quan để giải quyết các tranh

chấp được quy định tương đối rõ ràng, đầy đủ và cụ thể trong các văn bản luật và dưới luật về hoạt động cho vay tín dụng của ngân hàng

- Trình độ chuyên môn của các Thẩm phán TAND thành phố Hà Nội ngày càng được mở rộng, chuyên sâu, nâng cao chất lượng xét xử giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại nói chung và tranh chấp hợp đồng tín dụng nói riêng.

** Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân*

- Đơn vị vẫn còn án để quá hạn luật định, trung bình mỗi năm có 13 vụ án bị huỷ trong đó có 4 vụ huỷ do lỗi chủ quan của Thẩm phán thì trong đó có 01 vụ là án HĐTD, tỷ lệ giải quyết án chưa cao.

- Nhiều vụ tranh chấp để kéo dài, qua nhiều lần xét xử vẫn không tìm được phương án giải quyết thoả đáng, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của các bên.

- Trong quá trình giải quyết tranh chấp, do việc nghiên cứu tài liệu, chứng cứ không đầy đủ, rõ ràng, đánh giá chứng cứ không đúng với sự thật khách quan, thậm chí có Thẩm phán còn xác định sai tư cách tố tụng của đương sự hoặc triệu tập không đầy đủ những người bắt buộc phải tham gia phiên toà dẫn đến nhiều phiên toà vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và kết quả là bản án được tuyên bị huỷ vì vi phạm thủ tục tố tụng.

- Đối với công tác giám đốc thẩm, tái thẩm và giải quyết khiếu nại vẫn chưa đảm bảo được những quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra, giám đốc của Toà án cấp trên đối với Toà án cấp dưới còn hạn chế, nên chưa kịp thời phát hiện các vi phạm để khắc phục và xử lý. Đối với những vụ án bị sửa, huỷ Tòa án cấp trên còn chưa có thông báo rút kinh nghiệm kịp thời.

- Một số văn bản pháp luật đã có hiệu lực thi hành trong một thời gian khá dài nhưng nhiều quy định trong các văn bản đó chưa được Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cùng các cơ quan hữu quan trong phạm vi thẩm quyền ban hành những văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành nên có tình trạng các toà áp dụng không thống nhất và kết quả các bản án hoàn toàn trái ngược nhau giữa các toà.

- Đội ngũ cán bộ Toà án hiện nay còn thiếu về số lượng và yếu kém về năng lực, có một số cán bộ Toà án sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp chưa cao nên đã có những hành vi vi phạm làm ảnh hưởng không nhỏ tới danh dự, uy tín của ngành tư pháp.

- Hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của Toà án còn nhiều hạn chế.

Những khuyết điểm, tồn tại nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó về nguyên nhân khách quan do số lượng các vụ án ngày càng tăng, tính chất ngày càng phức tạp, trong khi đó một số quy định của pháp luật còn nhiều bất cập nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung hoặc chậm được hướng dẫn áp dụng.

Các nguyên nhân cụ thể như sau:

Thứ nhất, các tranh chấp về tín dụng nhìn chung đều vướng mắc về tài sản thế chấp, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường vay thêm vào các hợp đồng tín dụng, nhưng số tiền họ vay lại rất ít, nên khi xảy ra tranh chấp họ thường chống đối, chây ì hoặc cố tình gây khó khăn cho việc giải quyết của Tòa án.

Thứ hai, Việc thu thập chứng cứ, triệu tập, tổng đạt còn gặp nhiều khó khăn do các đương sự chống đối, sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan chưa nhịp nhàng dẫn đến việc để án quá hạn luật định.

Thứ ba, một nguyên nhân nữa dẫn tới các vụ án kinh doanh thương mại bị quá hạn hoặc phải tạm đình chỉ là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích, bị tạm giữ, tạm giam, bị kết án hoặc bị truy nã, đang thi hành hình phạt tù, nên Tòa án phải đưa thêm các thành viên của doanh nghiệp vào tham gia tố tụng.

Thứ tư, thực tiễn giải quyết các vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng trong thời gian qua cho thấy: Trong nhiều hợp đồng tín dụng của các tổ chức tín dụng ngoài các nội dung về số tiền vay, thời hạn thanh toán, lãi suất trong hạn, quá hạn, tài sản bảo đảm... còn quy định về khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm trả tiền gốc và lãi. Khi người vay vi phạm hợp đồng, Ngân hàng khởi kiện, Tòa án gặp nhiều lúng túng và có nhiều quan điểm giải quyết khác nhau.

Thứ năm, số lượng Thư ký giúp việc cho Thẩm phán còn thiếu nên việc giải quyết công việc chưa đạt được hiệu quả cao.

Chương 3

GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ VỀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Yêu cầu đối với việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

3.1.1. Yêu cầu cải cách tư pháp

Thứ nhất, cần sửa đổi, bổ sung các quy định của BLTTDS nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý để Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong công tác giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự.

Thứ hai, Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 đã được Quốc hội thông qua có những nội dung quan trọng cần được tiếp tục cụ thể hóa trong các luật tố tụng nói chung và Luật tố tụng dân sự nói riêng.

3.1.2. Đảm bảo sự đồng bộ với các quan điểm giải pháp của các luật liên quan

Thứ nhất, thời gian qua, Quốc hội đã thông qua một số đạo luật theo tinh thần Hiến pháp mới như: Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật hôn nhân và gia đình; Luật công chứng; Quốc hội cũng đang xem xét cho ý kiến đối với dự án Luật đấu giá tài sản và một số dự án Luật khác có liên quan đến tố tụng dân sự. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung BLTTDS cũng là cần thiết để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; khắc phục những vướng mắc, bất cập từ thực tiễn công tác giải quyết các vụ việc dân sự.

Thứ hai, đối với bộ luật dân sự là bộ luật điều chỉnh quan hệ chung nhất. Việc sửa đổi Bộ luật dân sự lần này nhằm bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm của Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước; cụ thể hóa các nguyên tắc cơ bản của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với Hiến pháp năm 2013; có tính kế thừa và phát triển các quy định còn phù hợp; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam; bảo đảm nguyên tắc Bộ luật dân sự là Bộ luật nền, có vị trí, vai trò là luật chung của hệ thống pháp luật tư.

3.2. Giải pháp, kiến nghị

3.2.1. Hoàn thiện khung khổ pháp luật

** Hoàn thiện pháp luật dân sự:*

Thứ nhất, cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về vấn đề lãi suất của hoạt động cho vay.

Lãi suất là nội dung quan trọng trong hợp đồng vay tài sản có lãi. Lãi suất là tỷ lệ phần trăm nhất định tính trên tổng số tài sản vay và kỳ hạn vay mà bên vay phải trả cho bên cho vay. Nói cách khác, lãi suất chính là

khoản tiền hoặc lợi ích vật chất khác mà bên vay phải trả cho bên cho vay ngoài số tiền gốc đã vay. Điều 468 BLDS năm 2015 là sự đột phá mới của các nhà làm luật khi thay đổi toàn bộ các nội dung liên quan đến lãi suất trong hợp đồng vay mà Điều 476 BLDS năm 2005 quy định. Sự thay đổi này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn đời sống và đặc trưng của quan hệ pháp luật dân sự.

Khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Hạn chế của quy định này chính là việc sử dụng lãi suất cơ bản của NHNN để làm lãi suất trung gian nhằm xác định mức lãi suất cho vay vượt quá hay không vượt quá. Như chúng ta biết, việc xác định lãi suất trung gian này không đơn giản, thậm chí là một việc rất khó thực hiện đối với người vay ở vùng nông thôn, miền núi. Do đó, quy định như BLDS năm 2005 thì BLDS không phải của dân nữa (vì đa phần không hiểu và không có điều kiện để áp dụng) mà chỉ của một số ít người có am hiểu về thị trường cho vay. Bộ luật Dân sự năm 2015 không sử dụng lãi suất cơ bản do NHNN công bố làm lãi suất tham chiếu.

BLDS năm 2005 cho phép các bên trong hợp đồng vay không phải áp dụng mức lãi suất nói trên nếu có những văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Tuy nhiên để tránh tùy tiện của các cơ quan liên quan có thẩm quyền ban hành văn bản dưới luật cũng quy định và lãi suất mà lãi suất này không đảm bảo quyền lợi của bên vay, khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 quy định trường hợp loại trừ phải do luật quy định chứ không phải văn bản dưới luật qui định.

Đồng thời, để đảm bảo có thể thay đổi mức lãi suất tham chiếu linh hoạt khi điều kiện thị trường có sự biến động, Điều 468 Bộ luật Dân sự cũng quy định cơ chế để điều chỉnh lãi suất này, cụ thể: “Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”.

Trước đây, trong Bộ Luật Dân sự 2005 có quy định lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Tuy nhiên, trên thực tế các ngân hàng không áp dụng quy định này mà theo quy định riêng của ngành ngân hàng dưới dạng các thông tư hướng dẫn, tức

theo thỏa thuận riêng giữa ngân hàng và khách hàng. Theo Luật Các tổ chức tín dụng trong Điều 91 có quy định, tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để đảm bảo an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có quyền quy định cơ chế các định phí, lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, trên thực tế, khi có phát sinh tranh chấp giữa ngân hàng và khách hàng đi vay, có trường hợp tòa án vẫn ra quyết định không đồng ý với mức lãi suất thỏa thuận giữa ngân hàng và khách hàng, mà áp dụng mức lãi suất không quá 150% của lãi suất cơ bản như quy định trong Bộ Luật Dân sự. Theo tác giả mức 20%/năm nếu áp dụng đối với lãi suất vay tiêu dùng như hiện nay sẽ thực sự gây khó khăn cho ngân hàng, và công ty tài chính. Tùy từng đối tượng khách hàng, lãi suất cho vay tiêu dùng của các ngân hàng hiện nay có thể lên đến 26-27%/năm, và của công ty tài chính lên đến 45-65%/năm. Do đó, cần có những quy định cụ thể về lãi suất cho các đối tượng vay khác nhau dựa trên mức trần lãi suất tham chiếu là 20% để điều chỉnh cho hợp lý giữa Bộ luật dân sự và Luật có liên quan. Cần sửa đổi các quy định của pháp luật liên quan như Luật Ngân hàng nhà nước, Luật tổ chức tín dụng theo hướng tương thích với Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng do chậm trả lãi: Hiện nay vẫn chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn thống nhất về vấn đề này gây lúng túng cho các cấp Tòa án khi giải quyết. Thực tế, có Tòa án thì chấp nhận theo sự thỏa thuận của ngân hàng có Tòa án thì không chấp nhận về khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng. Do đó, để áp dụng thống nhất về vấn đề này cần có thông tư liên tịch hướng dẫn cụ thể theo hướng không chấp nhận khoản tiền phạt chậm trả lãi của ngân hàng đối với khách hàng vay.

Thứ hai, quy định pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và xử lý tài sản bảo đảm. Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 qui định về giao dịch bảo đảm đã gặp phải một số hạn chế.

Thực tế cho thấy những hạn chế, vướng mắc của pháp luật về bảo đảm tiền vay, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về bảo đảm tiền vay, chế định đăng ký giao dịch bảo đảm cần tập trung vào việc giải quyết các vấn đề sau đây:

+ Nghiên cứu xây dựng Luật đăng ký tài sản để tạo một khuôn khổ

pháp lý thật sự đầy đủ, công khai, minh bạch, về tình trạng pháp lý của tài sản, giao dịch. Có như vậy, mới đảm bảo được tính an toàn, tính dự báo, tính chắc chắn trong các giao dịch về dân sự, thương mại trong nền kinh tế và góp phần vào công tác phòng chống tham nhũng, xây dựng nhà nước pháp quyền và một hệ thống hành chính công vụ trong sạch, vững mạnh. Về lâu dài, việc sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm, đăng ký giao dịch bảo đảm phải đặt trong tổng thể đảm bảo đồng bộ, thống nhất với pháp luật có liên quan như pháp luật về đất đai, nhà ở, hàng không, hàng hải, pháp luật về đăng ký tài sản, pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự (phần về chứng cứ, thủ tục rút gọn).

+ Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi và giảm thiểu các thủ tục giấy tờ, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Thực hiện tốt việc liên thông giữa các thủ tục công chứng, thuế và đăng ký giao dịch tài sản nhằm giảm thiểu chi phí cho các cá nhân, tổ chức thực hiện đăng ký.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm, nâng cấp và hoàn thiện phần mềm đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm hơn nữa trong thời gian tới.

+ Cần quy định chế tài cụ thể đối với các cơ quan chức năng như Ủy ban nhân dân, Công an trong quá trình hỗ trợ ngân hàng thu hồi tài sản bảo đảm.

- Xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp khi Thi hành án tiến hành kê biên tài sản thì bên có tài sản bỏ trốn khỏi địa phương không nhận thông báo quyết định cưỡng chế thi hành án. Vì vậy Nghị định hướng dẫn về xử lý tài sản bảo đảm cần quy định rõ cơ chế pháp lý để xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp này. Nên quy định theo hướng trong trường hợp bản án, quyết định thi hành án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, có quyết định cưỡng chế thi hành án của cơ quan thi hành án mà người phải thi hành án bỏ trốn không nhận quyết định hoặc cố tình không hợp tác thì tiến hành thủ tục giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng, làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho ngân hàng. Sau đó ngân hàng tiến hành đấu giá hay nhận chính tài sản đó để sử dụng là quyền lựa chọn của ngân hàng.

Thứ ba, Bộ luật dân sự 2015 quy định hộ gia đình không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia quan hệ dân sự thông qua cá nhân là người đại diện hoặc là thành viên của mình theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan. Các thành viên có thể thỏa thuận cử người đại diện tham gia, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự vì lợi ích chung. Địa vị pháp lý

của hộ gia đình sử dụng đất được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai. Lâu nay, khi thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản chung của hộ gia đình, việc xác định thành viên hộ gia đình thường được dựa trên sổ hộ khẩu, tuy nhiên thực tế điều này không hoàn toàn chính xác bởi thành viên trong sổ hộ khẩu thường xuyên thay đổi do tách, nhập hộ, sinh, tử... Thành viên theo sổ hộ khẩu tại thời điểm xác lập, hình thành tài sản chung thường không trùng với thành viên tại thời điểm thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản chung, đặc biệt đối với những tài sản chung có giá trị lớn, được sử dụng ổn định lâu dài. Theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai 2013: “Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất.” tức hộ gia đình theo Luật Đất đai được xác định dựa trên sổ hộ khẩu, nhưng phải tại thời điểm được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng, nhận chuyển quyền sử dụng đất. Đồng thời Điều 98 Luật Đất đai 2013 quy định phải ghi đầy đủ tên của những người có chung quyền sở hữu đối với thửa đất nhiều người có chung quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Tuy nhiên, thực tế áp dụng pháp luật còn thiếu đồng nhất, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ gia đình chỉ ghi tên một người đại diện; trong khi đất là tài sản chung được sử dụng ổn định, lâu dài nên thành viên trong sổ hộ khẩu có rất nhiều thay đổi. Việc thể hiện thông tin về người sử dụng đất tại trang 1 của Giấy chứng nhận vẫn chỉ ghi họ tên, năm sinh của chủ hộ gia đình; nếu chủ hộ gia đình có vợ hoặc chồng cùng có quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì ghi cả họ tên, năm sinh của người vợ hoặc chồng đó; còn các thành viên khác trong hộ gia đình thì không được đề cập đến. Vậy nên, khi thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất của hộ gia đình tuy có thuận lợi hơn trước nhưng vẫn còn khó khăn, vướng mắc. Nếu khi thực hiện giao dịch chỉ căn cứ vào sổ hộ khẩu thì không hợp lý, nên căn cứ thêm vào quyết định cấp đất, giao đất, cho thuê đất của nhà nước để xác định những người có quyền sở hữu chung. Thiết nghĩ, Bộ luật Dân sự mới nên quy định rõ hơn về khái niệm hộ gia đình phù hợp và thống nhất với quy định về hộ gia đình trong các văn bản pháp luật khác, để đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp cho các thành viên trong hộ gia đình đối với tài sản thuộc sở hữu chung cũng như đảm bảo quyền lợi của các tổ chức tín dụng, ngân hàng khi có tài sản thế chấp liên quan đến quyền sử dụng đất của hộ gia đình.

** Hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự*

- Áp dụng các quy định về thủ tục rút gọn của BLTTDS năm 2015 đối với tranh chấp HĐTD. Hiện nay trong thủ tục tố tụng dân sự giải quyết tranh chấp HĐTD ngân hàng còn chưa linh hoạt trong xử lý vấn đề, còn mất rất nhiều thời gian.

Nên cần áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn nhằm rút ngắn thời gian giải quyết các tranh chấp phát sinh từ HĐTD mà chứng cứ rõ ràng, bị đơn có địa chỉ, lai lịch cụ thể, họ thừa nhận nghĩa vụ của mình trước nguyên đơn, nguyên đơn xuất trình được chứng cứ bằng văn bản để chứng minh cho yêu cầu của mình và nếu như bị đơn cùng tất cả những người liên quan khác trong vụ tranh chấp không có sự phản đối về sự giả mạo của bằng chứng đó thì Tòa án có thể khẳng định được tính xác thực và độ tin cậy của các thông tin trong các văn bản đó. Do vậy, Tòa án không phải mất nhiều thời gian để điều tra, xác minh mà vẫn có thể giải quyết đúng pháp luật vụ tranh chấp đó, đảm bảo giải quyết nhanh gọn, hiệu quả giảm chi phí xử lý tài sản bảo đảm, đồng thời giảm thiểu nguy cơ rủi ro thanh khoản do nợ xấu tăng cao.

- Cần quy định thống nhất về thời hiệu khởi kiện. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành thì tranh chấp phát sinh từ HĐTD là loại tranh chấp về quyền sử hữu tài sản, tranh chấp về đòi lại tài sản do người khác quản lý, chiếm hữu nên sẽ không áp dụng thời hiệu [21, Điều 159]. Tuy nhiên, với quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất của BLTTDS sửa đổi bổ sung 2011 thì chỉ không áp dụng thời hiệu đối với việc đòi nợ gốc, còn việc đòi nợ lãi thì vẫn áp dụng thời hiệu. Việc quy định như vậy dẫn đến hiện nay việc xác định thời hiệu khởi kiện vụ án tranh chấp HĐTD của Tòa án còn gặp nhiều khó khăn bởi quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện như hiện tại có thể dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau trên thực tế về thời hiệu khởi kiện. Theo quy định tại Điều 184 BLTTDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện được thực hiện theo quy định của BLDS 2015. Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về

thời hiệu theo nguyên tắc: Cá nhân, pháp nhân phải yêu cầu tòa án, trọng tài giải quyết vụ, việc dân sự trong thời hạn luật định, hết thời hạn đó mà cá nhân, pháp nhân mới có yêu cầu thì thay vì từ chối giải quyết yêu cầu của cá nhân, pháp nhân như quy định hiện hành, tòa án hoặc trọng tài vẫn thụ lý, giải quyết và tuyên bố chủ thể được hưởng quyền dân sự hoặc được miễn trừ nghĩa vụ dân sự. Người được hưởng quyền dân sự có quyền từ chối việc hưởng quyền, người được miễn trừ nghĩa vụ dân sự có quyền từ chối việc miễn trừ nghĩa vụ, trừ trường hợp việc từ chối đó có mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ hoặc vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội.

Trong các yếu tố cấu thành thời hiệu thì thời điểm bắt đầu thời hiệu và thời điểm kết thúc thời hiệu là hai yếu tố có sự tác động và ảnh hưởng mang tính quyết định. Với quy định ở BLTTDS năm 2011, không khó để các chủ thể pháp luật tố tụng xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện khi căn cứ vào thời điểm biết quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Nhưng để xác định thời điểm người có quyền buộc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm như quy định của BLTTDS năm 2015 hay thời điểm phát sinh quyền yêu cầu thì không phải là việc dễ, nhất là trong trường hợp chưa có bất kỳ một văn bản pháp luật nào hướng dẫn những nội dung này. Vì thế để tránh trường hợp chủ thể cho rằng mình không thể biết để hưởng lợi về thời hiệu, để có cách hiểu thống nhất và tạo điều kiện để tòa án, bị đơn có thể suy đoán bằng những căn cứ rõ ràng nguyên đơn không thể biết thì TANDTC cần có văn bản hướng dẫn nội dung này [36].

- Cần phải có sự thống nhất giữa các quy định của luật hình sự và luật dân sự trong trường hợp tài sản bảo đảm tiền vay trở thành vật chứng của vụ án. Nếu bên nhận thế chấp không có lỗi trong việc để tài sản thế chấp trở thành vật chứng vụ án thì bên nhận thế chấp vẫn được quyền xử lý để thu hồi vốn và lãi vay.

3.2.2. Nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án

Thứ nhất, nâng cao chất lượng cho cán bộ Tòa án.

Thứ hai, nâng cao năng lực của cán bộ tín dụng ngân hàng.

Thứ ba, nâng cao ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Thứ tư, tăng cường sự phối hợp giữa Tòa án với các cơ quan tư pháp liên quan.

KẾT LUẬN

Trong các hoạt động của tổ chức tín dụng thì hoạt động cho vay là hoạt động chủ yếu mang lại lợi nhuận cao. Bản chất của hoạt động trên chính là hoạt động kinh doanh tiền tệ. Hoạt động này luôn chứa đựng nhiều rủi ro và tiềm ẩn những mâu thuẫn về quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng và dẫn đến xảy ra tranh chấp. Các tranh chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng diễn ra ngày càng nhiều hơn, phức tạp hơn dẫn đến những tranh chấp yêu cầu Toà án giải quyết ngày một gia tăng. Do vậy, đòi hỏi chất lượng áp dụng pháp luật trong giải quyết các vụ án của Toà án cần phải có tầm cao hơn, triệt để hơn, cần thiết phải có các giải pháp tích cực, lâu dài nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tranh chấp xảy ra. Với nhận thức sâu sắc rằng tranh chấp hợp đồng tín dụng sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự ổn định chính trị- xã hội nhất là tình hình nợ xấu của các tổ chức tín dụng tăng cao như hiện nay thì việc nghiên cứu tìm ra các nguyên nhân nảy sinh tranh chấp để trên cơ sở đó tìm ra các giải pháp ngăn ngừa hoặc hạn chế các nguyên nhân này có ý nghĩa rất quan trọng nhằm bảo vệ tính ổn định của các quan hệ tín dụng và duy trì sự trật tự, bền vững tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở lý luận, qua thực tiễn nghiên cứu giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, tác giả đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế cũng như nguyên nhân của hạn chế, từ đó mạnh dạn đưa ra các quan điểm cũng như các giải pháp. Nếu được thực hiện đồng bộ và một cách nghiêm túc sẽ nâng cao được chất lượng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội và áp dụng cho các Toà án khác có thực trạng tương tự, góp phần không nhỏ làm lành mạnh các quan hệ xã hội, bảo vệ nền pháp chế xã hội chủ nghĩa và xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong khuôn khổ hạn hẹp của luận văn, tác giả phân tích làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội làm cơ sở cho việc đưa ra đề xuất cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này trong giai đoạn xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với thời gian hạn hẹp, vốn kiến thức ít ỏi, luận văn không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giúp cho Luận văn được hoàn chỉnh hơn.